

PHỤ LỤC
DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NGHỈ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NĂM 2025 CỦA XÃ TÂY TRÀ

Nghị từ ngày 01 tháng 07 năm 2025
(Kèm theo tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Tây Trà)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người /tháng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã GD 2023 - 2025 trước khi được bổ trí sang làm NHĐKCT ở cấp xã (Nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do quyết định cho nghỉ (*)
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tính hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhiệm chức danh NHĐKCT ở cấp xã	Tổng thời gian đảm nhiệm chức danh khác (CBCVC,...) nếu có		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21
1	Xã Tây Trà																			
1	Hồ Thị Ngoan	25/10/1990	Đại học	Văn thư - Thủ quỹ	Văn thư - Thủ quỹ	2,34	1,5	0,84	5.475.600	11/2012	01/7/2025	13	13 năm		20 năm	247.455.000	168.480.000	68.445.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
2	Hồ Thị Hương	06/9/1988	Đại học	Văn hóa, thể dục, thể thao - Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em	Văn hóa, thể dục, thể thao - Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em	2,34	1,5	0,84	5.475.600	02/2012	01/7/2025	13,5	13,5		18 năm	250.087.500	168.480.000	71.077.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
3	Hồ Thị Viễn	08/6/1983	Đại học	PCT. Hội Phụ Nữ	PCT. Hội Phụ Nữ	2,34	1,5	0,84	5.475.600	10/2011	01/7/2025	14	14		13 năm	252.720.000	168.480.000	73.710.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
4	Hồ Thị Miên	20/11/1986	Không có CM	PCT. UBMT TQVN	PCT. UBMT TQVN	1,5	1,5		3.510.000	10/2010	01/7/2025	15	15		16 năm	257.985.000	168.480.000	78.975.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
5	Hồ Văn Hoa	09/8/1983	Trung cấp	Tổ chức - Văn phòng Đảng ủy	Tổ chức - Văn phòng Đảng ủy	1,86	1,5	0,36	4.352.400	06/2009	01/7/2025	16,5	16,5		20 năm	265.882.500	168.480.000	86.872.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
6	Hồ Văn Thái	14/8/1992	Trung cấp	Phó BT Đoàn	Phó BT Đoàn	1,86	1,5	0,36	4.352.400	03/2012	01/7/2025	13,5	13,5		29 năm	250.087.500	168.480.000	71.077.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
7	Hồ Văn Ngoan	21/9/1982	Trung cấp	PCT. Hội Cựu Chiến Binh	PCT. Hội Cựu Chiến Binh	1,86	1,5	0,36	4.352.400	09/2011	01/7/2025	14	14		19 năm	252.720.000	168.480.000	73.710.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
8	Hồ Văn Việt	04/5/1988	Đại học	PCT. Hội Nông Dân	PCT. Hội Nông Dân	2,34	1,5	0,84	5.475.600	03/2015	01/7/2025	10,5	10,5		25 năm	234.292.500	168.480.000	55.282.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

9	Hồ Thị Trâm	30/6/1991	ĐH CTXH	Thủ Quỹ, Văn thư -Lưu trữ- UBND xã Trà Khê	PCT. HLHPN; UBND xã Sơn Trà	2,34	1,5	0,84	5.475.600	01/04/2016	01/7/2025	9,5	9 năm 5 tháng		21 năm	229.027.500	168.480.000	50.017.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
10	Nguyễn Ngọc Hòa	13/08/1993	Đại học báo chí	Đại truyền thanh - Quản lí nhà văn hóa- Tôn giáo- Dân tộc; UBND xã Trà Khê	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM xã; UBND xã Sơn Trà	2,34	1,5	0,84	5.475.600	01/12/2011	01/7/2025	13	12 năm 9 tháng		30 năm	247.455.000	168.480.000	68.445.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
11	Hồ Văn Hùng	25/6/1987	ĐH QLNN	PCT UBMTTQVN xã Trà Quán; UBND xã Trà Quán	Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận; UBND xã Sơn Trà	2,34	1,5	0,84	5.475.600	01/08/2008	01/7/2025	17	16 năm 11 tháng		24 năm	268.515.000	168.480.000	89.505.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
12	Hồ Văn Tiên	02/08/1989	Đại học Hành chính	Phó trưởng ban tuyên giáo Đảng ủy xã; UBND xã Trà Khê	Tổ chức - Văn phòng ĐU	2,34	1,5	0,84	5.475.600	01/04/2016	01/7/2025	9,5	9 năm 3 tháng		26 năm	229.027.500	168.480.000	50.017.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
13	Hồ Văn Thám	10/8/1984	Đại học công tác xã hội	Văn hóa, thể dục, thể thao- Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em; UBND xã Sơn Trà	Văn hóa, thể dục, thể thao- Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em; UBND xã Sơn Trà	2,34	1,5	0,84	5.475.600	01/10/2021	01/7/2025	4	3 năm 9 tháng		21 năm	157.950.000	126.360.000	21.060.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
14	Hồ Tiến Hoàng	15/05/1986	ĐH QLNN	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Đảng ủy xã Trà Khê	PCT Hội Nông dân xã Sơn Trà kiêm Ban Công tác Mặt trận thôn Hà, xã Sơn Trà	2,34	1,5	0,84	5.475.600	11/08/2009	01/7/2025	16	8 năm 9 tháng	7 năm 2 tháng	23 năm	263.250.000	168.480.000	84.240.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
15	Hồ Văn Tuấn	06/01/1985	ĐH QLNN	Trưởng ban tổ chức kiêm Văn Phòng Đảng Ủy xã Trà Quán	Giao thông- Thủy lợi- Khuyến nông- Thú y cơ sở xã Sơn Trà	2,34	1,5	0,84	5.475.600	01/11/2010	01/7/2025	15	15 năm		22 năm	257.985.000	168.480.000	78.975.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
16	Lê Quang Vinh	15/07/1980	TC HC	Phó CT UBMTTQVN xã Trà Khê	Phó CT UBMTTQVN xã Sơn Trà	1,86	1,5	0,36	4.352.400	02/05/2019	01/7/2025	6,5	6 năm 2 tháng		17 năm	213.232.500	168.480.000	34.222.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
17	Hồ Văn Non	14/06/1988	ĐH QLNN	Phó CT Hội CCB xã Trà Khê	Phó CT Hội CCB xã Sơn Trà kiêm nhiệm Đài truyền thanh - Quản lý nhà Văn hóa xã	2,34	1,5	0,84	5.475.600	05/20212	01/7/2025	13,5	9 năm 1 tháng	4 năm 5 tháng	25 năm	250.087.500	168.480.000	71.077.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
18	Hồ Văn Sáu	15/11/1994	TC QS	Phó CH Trưởng BCH QS xã Trà Khê	Phó CH Trưởng BCH QS xã Sơn Trà	1,86	1,5	0,36	4.352.400	05-01-2016	01/7/2025	9,5	9 năm 1 tháng		31 năm	229.027.500	168.480.000	50.017.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
19	Hồ Thị Bum	03/02/1999	ĐH - QLNH	PBT Đoàn xã	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ	2,34	1,5	0,84	5.475.600	09/2022	01/7/2025	3	2 năm 10 tháng		29 năm	121.797.000	95.472.000	15.795.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
20	Đình Xuân Hoàng	03/06/1992	TC QSDP	Giao thôn - Thủy lợi-KN-TYCS	Giao thông - Thủy lợi- Khuyến nông- Thú y cơ sở	1,86	1,5	0,36	4.352.400	05/2021	01/7/2025	4,5	4 năm 2 tháng		29 năm	174.622.500	140.400.000	23.692.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

21	Hồ Văn Sớm	05/12/1978	TC QSDP	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã	1,86	1,5	0,36	4.352.400	11/2003	01/7/2025	21	20 năm 11 tháng		15 năm	289.575.000	168.480.000	110.565.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
22	Hồ Thị Linh	10/06/2002	ĐH - Luật	Văn hóa, thể dục, thể thao - Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em	Văn hóa, thể dục, thể thao - Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em	2,34	1,5	0,84	5.475.600	12/2024	01/7/2025	1	7 tháng		32 năm	35.451.000	19.656.000	5.265.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
23	Hồ Thị Rinh	19/05/1999	ĐH	PCT HND XÃ	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	2,34	1,5	0,84	5.475.600	12/2021	01/7/2025	4	3 năm 7 tháng		29 năm	152.334.000	120.744.000	21.060.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
24	Hồ Thị Hậu	03/02/1993		PCT HLHPN xã	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ Nữ	1,5	1,5	0	3.510.000	04/2015	01/7/2025	10,5	10 năm 3 tháng		23 năm	234.292.500	168.480.000	55.282.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
25	Hồ Văn Trang	06/7/1992		PCT Hội CCB	Trưởng ban MT thôn Veo	1,5	1,5	0	3.510.000	01/2014	01/7/2025	11,5	11 năm 6 tháng		29 năm	239.557.500	168.480.000	60.547.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
26	Hồ Văn Vững	25/6/1993		PCT UBMTTQVN xã	BT, TT Trà Veo	1,5	1,5	0	3.510.000	05/2012	01/7/2025	13	12 năm 9 tháng		30 năm	247.455.000	168.480.000	68.445.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
27	Hồ Văn Tập	06/02/1990	TC QLNN	Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận	Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận	1,86	1,5	0,36	4.352.400	01/2021	01/7/2025	4,5	4 năm 6 tháng		27 năm	185.854.500	151.632.000	23.692.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
28	Hồ Thị Đen	03/06/2000	CD ĐD	Tổ chức - Văn phòng Đảng ủy	Tổ chức - Văn phòng Đảng ủy xã	2,1	1,5	0,6	4.914.000	11/2023	01/7/2025	2	1 năm 8 tháng		30 năm	77.220.000	56.160.000	10.530.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
TONG CỘNG: 28 người																6.114.946.500	4.248.504.000	1.571.602.500	294.840.000	